TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 156 /2018/QĐST-HNGĐ	*Nhơn Trạch, ngày 15 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đội 3, xóm L, xã X, huyện X, tỉnh N

Tạm trú: số 18, tổ 8, ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Đ

- *Bị đơn:* Anh **Chu Mạnh T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 120A, KBĐ ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đ

Tạm trú: Tổ 8, ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Đ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, địa chỉ: đội 3, xóm L, xã X, huyện X, tỉnh N và bị đơn anh Chu Mạnh T, sinh năm 1982, địa chỉ: số 120A, KBĐ ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đ

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T, anh T thống nhất giao con chung là cháu Chu Ngọc Quỳnh A – sinh ngày 06/11/2009 cho chị T nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/5/2018 đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 007919 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS cùng cấp; THA, TAT
- UBND xã/phường; PTP
- Lưu hồ sơ vụ án, AV

THẨM PHÁN

NGUYỄN DUY THỨC